

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28-8-2024

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hòa

2. Bà Lê Thị Hạnh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hòa, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Trần Phương Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm là Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi và điểm cầu thành phần là Ủy ban nhân dân phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án thụ lý số: 11/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Lương Thị Bích N, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn N, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1987; địa chỉ: Số C T, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/01/2024, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lương Thị Bích N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Ngọc L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 26/9/2016. Sau khi kết hôn, chị và anh L chung sống tại thôn N, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Trong khoảng thời gian đầu, chị và anh L chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng về sau chị và anh L thường xuyên cãi vã, xô xát do có nhiều mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống, mọi vấn đề cả hai đều rất khó khăn để có thể thống nhất hay đồng thuận. Những lần phát sinh mâu thuẫn vợ chồng đều tranh cãi lớn tiếng, anh L thường xuống tay đánh đập chị, gây ảnh hưởng đến sức khỏe, cuộc sống gia đình, con cái và ảnh hưởng đến gia đình cha mẹ hai bên. Mặc dù hai bên gia đình đã khuyên giải và góp ý nhưng sự việc vẫn không thay đổi. Đến thời điểm hiện tại, dù đã cố gắng hàn gắn và níu kéo nhưng không có kết quả, chị không còn tình cảm gì với anh L, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị và anh L đã ly thân từ năm 2021 đến nay.

Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Ngọc L.

- Về con chung: Chị và anh L có 01 (một) con chung là Nguyễn Lương Gia H, sinh ngày 11/4/2017. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh L không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2024, bị đơn anh Nguyễn Ngọc L trình bày:

Anh và chị Lương Thị Bích N tìm hiểu được 01 năm và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và cũng một phần về vấn đề kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, tự sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh vẫn thường xuyên lên thăm vợ con và cũng hàn gắn tình cảm nhưng chị N không chịu hợp tác. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị N và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con trưởng thành.

- Về con chung: Anh và chị Lương Thị Bích N có 01 (một) con chung là Nguyễn Lương Gia H, sinh ngày 11/4/2017. Hiện nay con đang ở với chị N. Nếu vợ chồng phải ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Bích N. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Bích N được ly hôn anh Nguyễn Ngọc L; về con chung: Giao con chung Nguyễn Lương Gia H, sinh ngày 11/4/2017 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh L đều trình bày không có nên không xem xét. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lương Thị Bích N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Ngọc L và yêu cầu giao con chung Nguyễn Lương Gia H cho chị trực tiếp nuôi. Do đó, cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thời điểm chị Lương Thị Bích N khởi kiện thì bị đơn anh Nguyễn Ngọc L có nơi cư trú tại phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Bị đơn anh Nguyễn Ngọc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Ngọc L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lương Thị Bích N và anh Nguyễn Ngọc L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 26/9/2016. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Thị Bích N và anh Nguyễn Ngọc L là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Lương Thị Bích N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, anh L và chị N đều thừa nhận vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Chị N cho rằng hiện nay chị không còn tình cảm gì với anh L, mục đích hôn nhân không đạt được nên cương quyết yêu cầu được ly hôn; anh L trình bày vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị N nên không đồng ý ly hôn nhưng khi Tòa án tổ chức hòa giải để vợ chồng

đoàn tụ thì anh L không tham gia; đồng thời, anh L cũng vắng mặt tại các phiên tòa.

Từ những nhận định nêu trên, có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị Lương Thị Bích N và anh Nguyễn Ngọc L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị N yêu cầu được ly hôn anh L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các bên đương sự, có căn cứ xác định: Chị Lương Thị Bích N và anh Nguyễn Ngọc L có 01 con chung là Nguyễn Lương Gia H, sinh ngày 11/4/2017. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh L đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét yêu cầu về nuôi con của chị N và anh L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay cháu Nguyễn Lương Gia H đang sống cùng với chị N, cháu H là nữ và có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, để đáp ứng theo nguyện vọng của cháu H, cũng như để đảm bảo các quyền lợi về mọi mặt cho cháu H, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Bích N, giao cháu H cho chị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lương Thị Bích N yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Ngọc L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Nguyễn Lương Gia H mỗi tháng 3.000.000đồng. Xét yêu cầu về cấp dưỡng cho con của chị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên sau khi ly hôn là quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*. Do đó, việc chị N yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con là có căn cứ, đúng pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho con chung chưa thành niên của chị N và anh L.

Tại khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”*. Mặc dù quá trình giải quyết vụ án, chị N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về mức thu nhập, khả năng thực tế hiện nay của anh L. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2024, anh L trình bày nếu vợ chồng phải ly hôn thì anh yêu cầu Tòa án giao con cho anh trực tiếp nuôi và anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con, điều này thể hiện anh L có khả năng kinh tế để nuôi con hoặc cấp dưỡng cho con. Ngoài ra, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Ngọc L nên anh L biết chị N yêu cầu anh có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 3.000.000đồng nhưng anh L cũng không có ý kiến phản đối. Xét thấy, mức cấp dưỡng nêu trên theo yêu cầu của chị N là hợp lý để chi phí cho những

nhu cầu thiết yếu hiện nay của người được cấp dưỡng tại địa phương nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Lương Thị Bích N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị N đã nộp.

Anh Nguyễn Ngọc L phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Bích N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Bích N được ly hôn anh Nguyễn Ngọc L.

2. Về con chung: Chị Lương Thị Bích N và anh Nguyễn Ngọc L có 01 con chung là Nguyễn Lương Gia H, sinh ngày 11/4/2017.

Giao con chung Nguyễn Lương Gia H cho chị Lương Thị Bích N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Nguyễn Ngọc L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về cấp dưỡng cho con:

Anh Nguyễn Ngọc L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Nguyễn Lương Gia H mỗi tháng 3.000.000đồng (ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng cho con được tính từ ngày tuyên án (ngày 28/8/2024) cho đến khi con chung Nguyễn Lương Gia H đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí:

Chị Lương Thị Bích N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001756 ngày 05/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Nguyễn Ngọc L phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- UBND P. Kim Long, TP. Huế;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong